

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 12
7. Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	13 - 41

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Trang (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Trang hoạt động theo:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303366525, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 7 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 16 tháng 7 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 41221000651, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2015 do Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh cấp. Thời gian hoạt động của dự án đến ngày 29 tháng 12 năm 2048.

Ngày 13/11/2015, cổ phiếu Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường HNX với mã cổ phiếu là TFC.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : (84 – 28) 37 800 900
- Fax : (84 – 28) 37 800 735

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất, chế biến thủy, hải sản;
- Sản xuất, chế biến thực phẩm. Sản xuất, chế biến cà phê, trà;
- Mua bán nông, lâm sản;
- Mua bán thủy hải sản và thực phẩm. Mua bán thực phẩm công nghệ. Mua bán cà phê, trà;
- Mua bán trang thiết bị máy móc, vật tư phục vụ sản xuất công, nông, ngư nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt;
- Nuôi trồng thủy sản biển và nội địa;
- Tư vấn quản lý kinh doanh, chuyển giao công nghệ;
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi. Kinh doanh nhà ở. Cho thuê nhà ở, văn phòng;
- Mua bán hóa mỹ phẩm, văn phòng phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ nhựa, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe cho trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội), đồ bảo hộ lao động, cravat, mũ, chăn màn, gối, ra trải giường, vali, túi xách, giày dép;
- Mua bán sản phẩm dệt – may, quần áo may sẵn;
- Mua bán phần mềm tin học, phần cứng máy tính;
- Sản xuất phần cứng máy tính;
- Cho thuê phương tiện vận tải đường bộ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị, dụng cụ phục vụ sản xuất, chế biến ngành nông, lâm, thủy hải sản và thực phẩm;
- Gia công đóng gói bao bì: cà phê, trà;
- Sản xuất, chế biến nông, lâm sản;
- Mua bán cao su, nguyên phụ liệu sản phẩm dệt – may;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠNG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2024
Ông David Ho	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2024
Ông Trương Văn Quang	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2024
Ông Võ Thiên Chương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2024
Ông Huỳnh Khánh Hiếu	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2024
Bà Susan Ho	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2024
Ông Kim Ngọc Nguyen	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2024
Ông Trần Quang Phú	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2024

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Vũ Thị Minh Chiến	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2024
Bà Tô Lệ Minh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2024
Bà Nguyễn Bích Thuận	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2024
Bà Trần Thanh Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2024

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Trương Văn Quang	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2024

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Nguyễn Minh Nguyệt – Chủ tịch Hội đồng quản trị (Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2024).

Bà Nguyễn Minh Nguyệt đã ủy quyền cho Ông Trương Văn Quang – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Giấy ủy quyền số 008/2024/UQ-TFC ngày 28 tháng 12 năm 2024.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Nguyễn Minh Nguyệt
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 27 tháng 3 năm 2025



Số: 1.0706/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Trang (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2025, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Trang tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Hồ Văn Tung

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0092-2023-008-1

Người được ủy quyền



Lương Anh Vũ

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1832-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠNG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		694.957.020.208	495.061.616.075
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	213.407.051.500	42.319.704.747
1. Tiền	111		187.407.051.500	42.319.704.747
2. Các khoản tương đương tiền	112		26.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		93.753.330.298	86.600.875.751
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	299.500.000	299.500.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	93.453.830.298	86.301.375.751
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		229.834.992.635	237.135.903.059
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	183.070.333.939	214.153.677.729
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.012.487.666	730.917.377
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	47.413.435.273	22.571.360.333
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.661.264.243)	(320.052.380)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	155.094.786.299	123.315.832.082
1. Hàng tồn kho	141		158.101.533.881	126.239.360.196
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.006.747.582)	(2.923.528.114)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.866.859.476	5.689.300.436
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2.866.859.476	2.761.805.568
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	2.927.494.868
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		210.694.196.464	187.143.455.592
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		139.697.693.467	134.577.275.045
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.9	63.346.720.000	63.346.720.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	76.350.973.467	71.230.555.045
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		36.390.113.859	33.990.668.852
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	26.293.096.132	24.059.034.287
- Nguyên giá	222		94.775.147.057	89.633.970.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(68.482.050.925)	(65.574.935.913)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	9.843.750.274	9.852.864.041
- Nguyên giá	225		11.872.194.798	11.032.234.798
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.028.444.524)	(1.179.370.757)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	253.267.453	78.770.524
- Nguyên giá	228		675.970.800	481.350.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(422.703.347)	(402.580.276)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	40.980.220
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	-	40.980.220
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		27.000.000.000	14.229.152.344
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2c	15.000.000.000	15.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	27.000.000.000	27.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(15.000.000.000)	(27.770.847.656)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.606.389.138	4.305.379.131
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	5.719.467.807	4.305.379.131
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.14	1.886.921.331	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		905.651.216.672	682.205.071.667

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		521.899.100.875	428.151.947.353
I. Nợ ngắn hạn	310		511.165.365.024	424.088.689.656
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	111.135.832.248	63.257.415.767
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	315.728.196	476.801.530
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	14.195.568.827	4.716.557.426
4. Phải trả người lao động	314	V.18	23.292.022.076	10.306.873.991
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	4.717.260.972	17.506.041.990
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	524.761.609	1.448.552.847
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	354.365.152.545	325.252.397.120
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	2.619.038.551	1.124.048.985
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		10.733.735.851	4.063.257.697
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	10.733.735.851	4.063.257.697
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠNG

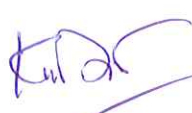
Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		383.752.115.797	254.053.124.314
I. Vốn chủ sở hữu	410		383.752.115.797	254.053.124.314
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23	168.299.940.000	168.299.940.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		168.299.940.000	168.299.940.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23	17.173.652.728	17.173.652.728
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.23	198.278.523.069	68.579.531.586
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		46.821.049.220	68.579.531.586
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		151.457.473.849	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		905.651.216.672	682.205.071.667


 Lê Kim Dung
 Người lập


 Nguyễn Thị Mỹ Nhung
 Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2025


 Trương Văn Quang
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	899.284.396.424	772.657.021.613
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	3.651.954.944	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		895.632.441.480	772.657.021.613
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	638.832.919.188	642.860.296.082
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		256.799.522.292	129.796.725.531
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	29.170.854.534	17.362.356.434
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	18.547.815.278	24.207.852.024
Trong đó: chi phí lãi vay	23		16.401.899.683	21.878.375.611
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	24.246.872.145	22.169.886.666
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	61.761.736.889	41.639.746.980
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		181.413.952.514	59.141.596.295
11. Thu nhập khác	31	VI.8	268.983.139	87.749.600
12. Chi phí khác	32	VI.9	1.434.489.804	20.126.092
13. Lợi nhuận khác	40		(1.165.506.665)	67.623.508
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		180.248.445.849	59.209.219.803
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	30.121.193.331	6.234.689.988
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.14	(1.886.921.331)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		152.014.173.849	52.974.529.815
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10		

Lê Kim Dung
Người lập

Nguyễn Thị Mỹ Nhung
Kế toán trưởng

Trương Văn Quang
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		180.248.445.849	59.209.219.803
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, V.11, V.12	4.953.973.608	4.809.835.115
- Các khoản dự phòng	03	V.2c, V.6, V.7	(11.346.416.325)	(6.290.998.049)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4, VI.5	649.028.935	(72.580.607)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.8	(7.611.896.526)	(10.756.807.623)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	16.401.899.683	21.878.375.611
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		183.295.035.224	68.777.044.250
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		11.226.211.629	14.743.449.054
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(31.862.173.685)	4.222.834.055
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		46.170.717.235	(6.988.616.888)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.478.162.364)	(25.975.782)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.19, V.20, VI.5	(15.673.349.680)	(21.798.159.173)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(20.232.360.765)	(4.304.466.681)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.22, V.23a	(624.200.000)	(536.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		170.821.717.594	54.089.708.835
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.11, V.12; V.13	(7.666.496.556)	(3.975.207.003)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10, VI.8	1.311.999.998	148.500.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2b	(76.994.940.463)	(29.713.192.369)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2b	69.842.485.916	35.230.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.4	3.159.057.238	5.163.916.933
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10.347.893.867)	6.854.017.561

CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠNG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.21	660.739.033.623	691.858.410.622
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21	(627.628.846.587)	(762.348.972.002)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.21	(2.229.328.520)	(2.429.556.984)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20, V.23a	(21.182.073.800)	(8.124.724.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		9.698.784.716	(81.044.842.864)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		170.172.608.443	(20.101.116.468)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	42.319.704.747	62.452.741.809
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		914.738.310	(31.920.594)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	213.407.051.500	42.319.704.747


Lê Kim Dung
Người lập


Nguyễn Thị Mỹ Nhung
Kế toán trưởng


TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2025
Trương Văn Quang
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Trang (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, chế biến thủy, hải sản; Gia công, đóng gói bao bì; Cà phê, trà; Sản xuất các loại bánh từ bột; Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu năm nay của Công ty tăng so với năm trước chủ yếu là do số lượng đơn hàng tăng. Đồng thời năm nay Công ty đã thực hiện sản xuất tối ưu vấn đề công nghiệp hóa, cơ khí hóa làm cho do giá thành sản phẩm năm nay giảm mạnh so với năm trước. Đây là nguyên nhân chủ yếu góp phần làm cho lợi nhuận năm nay của Công ty tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước. Đồng thời, khoản hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính trong năm nay với số tiền là 12.770.847.656 VND cũng đã làm cho lợi nhuận năm nay của Công ty tăng mạnh so với năm trước.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy có trụ sở chính tại Lô D4, Đường N1, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là bán buôn thực phẩm. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 75%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào công ty liên kết là Công ty TNHH Thực phẩm Dary có trụ sở chính tại Lô D4, Đường N1, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 45%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 478 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 463 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh là chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán được xác định bằng giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và tiền thuê đất. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (30 - 44 năm).

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 30
Máy móc và thiết bị	02 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của máy móc và thiết bị là 15 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có chương trình phần mềm máy tính: Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 03 đến 07 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	196.848.165	20.501.742
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	187.210.203.335	42.299.203.005
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng) (i)	26.000.000.000	-
Cộng	213.407.051.500	42.319.704.747

- (i) Khoản tương đương tiền với số tiền lần lượt là 11.000.000.000 VND và 1.000.000.000 VND đã được thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.21).

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có thời hạn gốc 10 năm.

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 06 tháng đến 12 tháng.

Toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn đã được thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 6, Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam (xem thuyết minh số V.21).

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2c. Đầu tư vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	15.000.000.000	(15.000.000.000)	15.000.000.000	(15.000.000.000)
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy ⁽ⁱ⁾	15.000.000.000	(15.000.000.000)	15.000.000.000	(15.000.000.000)
Đầu tư vào công ty liên kết	27.000.000.000	-	27.000.000.000	(12.770.847.656)
Công ty TNHH Thực phẩm Dary ⁽ⁱⁱ⁾	27.000.000.000	-	27.000.000.000	(12.770.847.656)
Cộng	42.000.000.000	(15.000.000.000)	42.000.000.000	(27.770.847.656)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313053112 đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 13 tháng 4 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy 15.000.000.000 VND, tương đương 75% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ 15.000.000.000 VND.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313046468 đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 04 tháng 5 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Thực phẩm Dary 27.000.000.000 VND, tương đương 45% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ 27.000.000.000 VND.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết

Công ty con đang hoạt động bị lỗ lũy kế, công ty liên kết đang hoạt động có lãi.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	27.770.847.656	37.121.460.213
Hoàn nhập dự phòng	(12.770.847.656)	(9.350.612.557)
Số cuối năm	15.000.000.000	27.770.847.656

Giao dịch với các công ty con, công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Thực phẩm Dary		
Bán nguyên liệu	5.249.438.870	32.511.940.420
Cho thuê máy móc	1.852.608.000	1.699.620.000
Thuê dịch vụ gia công	26.919.792.550	17.054.460.181
Thuê dịch vụ lưu kho, bốc xếp	7.371.419.495	8.267.409.713
Mua nguyên vật liệu	8.608.692.645	43.448.503.346
Lãi cho vay	5.152.201.000	5.444.525.000
Bán tài sản cố định	1.287.000.000	-

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy

Bán thành phẩm	-	20.160.020
Mua nguyên vật liệu	9.970.000	6.063.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	3.026.434.285	31.775.559.274
Công ty TNHH Thực phẩm Dary	1.590.576.676	30.328.934.065
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy	1.435.857.609	1.446.625.209
Phải thu các khách hàng khác	180.043.899.654	182.378.118.455
Trangs UK Limited	52.541.418.601	79.578.296.627
Trangs Europe S.A.S	47.819.847.717	50.723.752.086
Trangs Group USA Incorporated	46.735.816.138	36.018.233.750
Trangs Food Pty Ltd	32.261.432.126	11.872.907.296
Các khách hàng khác	685.385.072	4.184.928.696
Cộng	183.070.333.939	214.153.677.729

Một phần quyền phát sinh thuộc sở hữu của Công ty từ hợp đồng xuất khẩu cho các khách hàng Toyota Tsusho Foods Corporation và Trangs UK Limited đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 6 (xem thuyết minh số V.21).

Một phần khoản phải thu khách hàng đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.21).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam	391.500.000	-
Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp Omega	-	143.080.000
Công ty TNHH Wilmar Marketing CLV	134.777.520	-
Mariox Trading	130.431.972	130.431.972
Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam	110.000.000	110.000.000
Trại nuôi tôm Nguyễn Trọng Vinh	-	100.000.000
Các nhà cung cấp khác	245.778.174	247.405.405
Cộng	1.012.487.666	730.917.377

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Thuế giá trị gia tăng chờ hoàn	45.772.130.432	-	20.624.395.061	-
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	283.948.585	-	1.142.272.354	-
Tạm ứng	1.346.000.000	-	685.000.000	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	-	-	7.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	11.356.256	-	112.692.918	-
Cộng	47.413.435.273	-	22.571.360.333	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠNG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu bên liên quan	74.803.089.614	-	69.650.888.614	-
Công ty TNHH Thực phẩm Dary –				
Ký cược, ký quỹ dài hạn	49.470.040.724	-	49.470.040.724	-
Công ty TNHH Thực phẩm Dary –				
Lãi cho vay	25.333.048.890	-	20.180.847.890	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.547.883.853	-	1.579.666.431	-
Các khoản ký quỹ dài hạn	1.109.174.669	-	1.021.780.479	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	438.709.184	-	557.885.952	-
Cộng	76.350.973.467	-	71.230.555.045	-

6. Nợ quá hạn

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan		1.435.857.609	15.025.338			
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy – phải thu tiền bán hàng	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	25.151.790	12.575.895			
	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	8.164.811	2.449.443			
	Trên 03 năm	1.402.541.008	-			
Các tổ chức và cá nhân khác		240.431.972	-		359.181.972	39.129.592
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Hải Lê – trả trước cho người bán				Trên 03 năm	68.750.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI - Chi nhánh Hà Nội – trả trước cho người bán				Trên 03 năm	50.000.000	-
Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam – trả trước cho người bán	Trên 03 năm	110.000.000	-	Trên 03 năm	110.000.000	-
Mariox Trading – trả trước cho người bán	Trên 03 năm	130.431.972	-	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	130.431.972	39.129.592
Cộng		1.676.289.581	15.025.338		359.181.972	39.129.592

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng khoản trả trước cho người bán quá hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	320.052.380	183.965.986
Trích lập dự phòng	1.341.211.863	136.086.394
Số cuối năm	1.661.264.243	320.052.380

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	42.159.150	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	80.333.455.822 (1.813.173.133)	-	111.434.828.606 (2.923.528.114)	-
Công cụ, dụng cụ	3.263.730.147	-	2.829.663.519	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.718.533.491	-	4.434.844.041	-
Thành phẩm	48.918.409.272 (1.193.574.449)	-	7.540.024.030	-
Hàng gửi đi bán	20.825.245.999	-	-	-
Cộng	158.101.533.881 (3.006.747.582)	-	126.239.360.196 (2.923.528.114)	-

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.923.528.114	-
Trích lập dự phòng	83.219.468	2.923.528.114
Số cuối năm	3.006.747.582	2.923.528.114

Toàn bộ hàng tồn kho đã được thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 6, Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh An Phú, Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.21).

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	289.680.445	439.418.324
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.577.179.031	2.322.387.244
Cộng	2.866.859.476	2.761.805.568

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất	2.995.207.042	3.118.252.258
Công cụ, dụng cụ	462.141.611	467.843.064
Chi phí sửa chữa	1.254.432.326	190.869.133
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.007.686.828	528.414.676
Cộng	5.719.467.807	4.305.379.131

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Toàn bộ quyền sử dụng đất thuê đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh V.21).

9. Phải thu về cho vay dài hạn

Khoản cho Công ty TNHH Thực phẩm Dary là bên liên quan vay với lãi suất 8%/năm và thời hạn vay gia hạn theo phụ lục số PL03:01-04/2022TFC-DR đến ngày 31 tháng 12 năm 2027.

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	16.421.079.769	65.749.932.313	5.569.960.381	1.892.997.737	89.633.970.200
Mua trong năm	-	710.770.000	6.761.106.556	-	7.471.876.556
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.330.699.699)	-	-	(2.330.699.699)
Số cuối năm	16.421.079.769	64.130.002.614	12.331.066.937	1.892.997.737	94.775.147.057
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.602.527.633	34.391.129.258	1.859.878.985	1.422.457.919	40.275.993.795
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	10.440.443.941	50.559.149.186	3.041.319.597	1.534.023.189	65.574.935.913
Khấu hao trong năm	685.552.416	2.782.665.119	526.755.482	89.803.753	4.084.776.770
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.177.661.758)	-	-	(1.177.661.758)
Số cuối năm	11.125.996.357	52.164.152.547	3.568.075.079	1.623.826.942	68.482.050.925
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	5.980.635.828	15.190.783.127	2.528.640.784	358.974.548	24.059.034.287
Số cuối năm	5.295.083.412	11.960.266.723	8.762.991.858	269.170.795	26.287.512.788
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 865.984.410 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 6 (xem thuyết minh số V.21b).

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính là máy móc thiết bị, chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	11.032.234.798	1.179.370.757	9.852.864.041
Thuê tài chính trong năm	839.960.000		
Khấu hao trong năm		849.073.767	
Số cuối năm	11.872.194.798	2.028.444.524	9.843.750.274

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là chương trình phần mềm, chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	481.350.800	402.580.276	78.770.524
Mua trong năm	194.620.000		
Khấu hao trong năm		20.123.071	
Số cuối năm	<u>675.970.800</u>	<u>422.703.347</u>	<u>253.267.453</u>
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	366.030.800	-	-
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	-	281.159.000	(281.159.000)	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	40.980.220	95.091.160	(136.071.380)	-
Cộng	<u>40.980.220</u>	<u>376.250.160</u>	<u>(417.230.380)</u>	<u>-</u>

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch lợi nhuận kê khai thuế giữa sổ sách và cơ sở tính thuế.

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	1.886.921.331	-
Số cuối năm	<u>1.886.921.331</u>	<u>-</u>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 15%.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	13.674.976.017	13.423.414.713
Công ty TNHH Thực phẩm Dary	13.674.976.017	13.423.414.713
Phải trả các nhà cung cấp khác	97.460.856.231	49.834.001.054
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khánh Hải	3.740.547.400	6.339.824.400
Classier Enterprises Pty Ltd	22.848.208.066	-
Các nhà cung cấp khác	70.872.100.765	43.494.176.654
Cộng	<u>111.135.832.248</u>	<u>63.257.415.767</u>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Người mua trả tiền ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Culinova AS	-	476.801.530
Gray Mackenzie Retail Lebanon S.A.L	315.728.196	-
Cộng	315.728.196	476.801.530

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.262.378	(2.262.378)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	5.061.723	(5.061.723)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.233.525.377	30.121.193.331	(20.232.360.765)	14.122.357.943
Thuế thu nhập cá nhân	483.032.049	2.408.503.302	(2.818.324.467)	73.210.884
Thuế nhà thầu	-	306.707.692	(306.707.692)	-
Các loại thuế khác	-	934.308.398	(934.308.398)	-
Cộng	4.716.557.426	33.778.036.824	(24.299.025.423)	14.195.568.827

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Năm 2024, thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với một số hàng hóa, dịch vụ là 8% theo Nghị định 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội và Nghị định 72/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ và Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính, Công ty được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 15% đối với thu nhập từ chế biến thủy sản.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	180.248.445.849	59.209.219.803
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	24.538.279.301	891.709.827
- Các khoản điều chỉnh giảm	(6.296.102.013)	(19.199.874.043)
Thu nhập chịu thuế	198.490.623.137	40.901.055.587
Trong đó:		
- Thu nhập chịu thuế áp dụng thuế suất 15%	191.538.625.923	38.933.714.813
- Thu nhập chịu thuế áp dụng thuế suất 20%	6.951.997.214	1.967.340.774
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	39.698.124.627	8.180.211.117
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(9.576.931.296)	(1.946.685.740)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	1.164.611
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	30.121.193.331	6.234.689.988

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi Cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

18. Phải trả người lao động
Tiền lương còn phải trả người lao động.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Classier Enterprises Pty Ltd – Chi phí hoa hồng bán hàng phải trả	-	16.658.324.008
Chi phí lãi vay phải trả	678.577.401	-
Chi phí cung ứng dịch vụ lao động	1.682.684.994	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.355.998.577	847.717.982
Cộng	4.717.260.972	17.506.041.990

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>130.189.040</i>	<i>80.216.438</i>
Các thành viên Hội đồng quản trị – Chi phí lãi vay phải trả	130.189.040	80.216.438
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>394.572.569</i>	<i>1.368.336.409</i>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	317.445.450	305.128.290
Cổ tức phải trả	77.127.119	1.063.208.119
Cộng	524.761.609	1.448.552.847

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

21. Vay và nợ thuê tài chính

21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>8.200.000.000</i>
Vay Bà Nguyễn Minh Nguyệt (i)	-	8.200.000.000
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	<i>354.365.152.545</i>	<i>317.052.397.120</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	352.285.074.469	315.019.669.170
<i>Vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (ii)</i>	<i>54.256.143.195</i>	<i>75.027.498.245</i>
<i>Vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (iii)</i>	<i>94.395.614.400</i>	<i>72.270.047.500</i>
<i>Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 6 (iv)</i>	<i>64.365.651.855</i>	<i>65.811.884.655</i>
<i>Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Quận 1 (v)</i>	<i>-</i>	<i>36.297.934.472</i>
<i>Vay Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam (vi)</i>	<i>49.981.499.591</i>	<i>14.234.237.220</i>
<i>Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (vi)</i>	<i>33.690.675.396</i>	<i>33.214.676.208</i>
<i>Vay Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (vii)</i>	<i>43.341.026.119</i>	<i>18.163.390.870</i>
<i>Vay Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam (viii)</i>	<i>12.254.463.913</i>	<i>-</i>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	-	160.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (ix)</i>	<i>-</i>	<i>160.000.000</i>
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh V.21b)	2.080.078.076	1.872.727.950
<i>Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease</i>	<i>836.544.526</i>	<i>629.194.400</i>
<i>Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i>	<i>1.243.533.550</i>	<i>1.243.533.550</i>
Cộng	354.365.152.545	325.252.397.120

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Bà Nguyễn Minh Nguyệt để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Trong năm, khoản vay này đã được gia hạn thành 36 tháng.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và hàng tồn kho (xem các thuyết minh số V.2b và V.7).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung nguồn vốn kinh doanh và bảo lãnh các loại với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng và toàn bộ bất động sản tại Thửa đất số 242, tờ bản đồ số 20, Lô A14b, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh của Công ty, bất động sản tại Căn hộ số A34109 tại tầng 41, thuộc Nhà Chung cư số A3, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của Bà Nguyễn Minh Nguyệt và hàng tồn kho (xem các thuyết minh số V.1, V.8b, V.10 và VII.1a).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 6 để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, một phần quyền phát sinh thuộc sở hữu của Công ty từ hợp đồng xuất khẩu cho các khách hàng Toyota Tsusho Foods Corporation và Trang UK Limited (xem các thuyết minh số V.2b, V.3, V.7 và V.10).
- (v) Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Quận 1 để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và toàn bộ quyền lợi phát sinh từ việc khai thác công trình nhà xưởng của Công ty TNHH Thực phẩm Dary hình thành trong tương lai tại Lô D4, Đường N1, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Toàn bộ khoản thế chấp trên đã được giải chấp trong năm. Khoản vay này đã được tất toán.
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2b).
- (vii) Khoản vay Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, hàng tồn kho và các khoản phải thu (xem thuyết minh số V.1, V.2b và V.3).
- (viii) Khoản vay Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 06 đến 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2b).
- (ix) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu để mua xe phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, hạn mức vay 800.000.000 VND với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp xe ô tô con, nhãn hiệu Kia và đã được giải chấp trong năm. Khoản vay này đã được tất toán.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Kết chuyển sang vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	315.019.669.170	660.739.033.623	-	-	(627.468.846.587)	3.995.218.263	352.285.074.469
Vay ngắn hạn các cá nhân	8.200.000.000	-	-	(8.200.000.000)	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	160.000.000	-	-	-	(160.000.000)	-	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	1.872.727.950	-	2.255.247.286	-	(2.047.897.160)	-	2.080.078.076
Cộng	325.252.397.120	660.739.033.623	2.255.247.286	(8.200.000.000)	(629.676.743.747)	3.995.218.263	354.365.152.545

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn phải trả bên liên quan</i>	<i>8.200.000.000</i>	<i>-</i>
Vay Bà Nguyễn Minh Nguyệt (i)	8.200.000.000	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức khác</i>	<i>2.533.735.851</i>	<i>4.063.257.697</i>
Nợ thuê tài chính	2.533.735.851	4.063.257.697
<i>Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (ii)</i>	<i>651.876.991</i>	<i>1.895.410.531</i>
<i>Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease (iii)</i>	<i>1.881.858.860</i>	<i>2.167.847.166</i>
Cộng	10.733.735.851	4.063.257.697

- (i) Khoản vay Bà Nguyễn Minh Nguyệt để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 36 tháng.
- (ii) Thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo các Hợp đồng thuê tài chính như sau:
- Hợp đồng thuê tài chính số 92.21.01/CTTC ngày 09 tháng 6 năm 2021, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 5 năm.
 - Hợp đồng thuê tài chính số 92.21.02/CTTC ngày 09 tháng 6 năm 2021, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 5 năm.
 - Hợp đồng thuê tài chính số 92.21.03/CTTC ngày 09 tháng 6 năm 2021, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 5 năm.
 - Hợp đồng thuê tài chính số 92.21.04/CTTC ngày 09 tháng 6 năm 2021, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 5 năm.
 - Hợp đồng thuê tài chính số 92.21.07/CTTC ngày 09 tháng 6 năm 2021, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 5 năm.
 - Hợp đồng thuê tài chính số 63.22.02/CTTC ngày 20 tháng 6 năm 2022, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 4 năm.
 - Hợp đồng thuê tài chính số 63.22.03/CTTC ngày 20 tháng 6 năm 2022, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 4 năm.
 - Hợp đồng thuê tài chính số 63.22.04/CTTC ngày 28 tháng 6 năm 2022, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 4 năm.
 - Hợp đồng thuê tài chính số 63.22.05/CTTC ngày 29 tháng 6 năm 2022, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 4 năm.
 - Hợp đồng thuê tài chính số 63.22.06/CTTC ngày 27 tháng 6 năm 2022, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 4 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (iii) Thuê tài chính Công ty Cho thuê Tài chính TNHH Quốc tế Chailease theo các Hợp đồng thuê tài chính như sau:
- Hợp đồng thuê tài chính số B230212202 ngày 16 tháng 2 năm 2023, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 5 năm.
 - Hợp đồng thuê tài chính số C230535302 ngày 30 tháng 5 năm 2023, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 5 năm.
 - Hợp đồng thuê tài chính số B230215902 ngày 24 tháng 5 năm 2023, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 5 năm.
 - Hợp đồng thuê tài chính số B230915202 ngày 18 tháng 10 năm 2023, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 5 năm.
 - Hợp đồng thuê tài chính số B230923302 ngày 20 tháng 10 năm 2023, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 5 năm.
 - Hợp đồng thuê tài chính số B240326902 ngày 12 tháng 4 năm 2024, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 3,5 năm.

Công ty có khả năng trả được khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm
Số cuối năm			
Vay dài hạn cá nhân	8.200.000.000	-	8.200.000.000
Nợ thuê tài chính	4.613.813.927	2.080.078.074	2.533.735.853
Cộng	12.813.813.927	2.080.078.074	10.733.735.853
Số đầu năm			
Vay dài hạn ngân hàng	160.000.000	160.000.000	-
Nợ thuê tài chính	5.935.985.647	1.872.727.950	4.063.257.697
Cộng	6.095.985.647	2.032.727.950	4.063.257.697

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay ngắn hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay dài hạn	Số cuối năm
Vay dài hạn các cá nhân	-	-	8.200.000.000	-	-	8.200.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	4.063.257.697	907.156.800	-	(181.431.360)	(2.255.247.286)	2.533.735.851
Cộng	4.063.257.697	907.156.800	8.200.000.000	(181.431.360)	(2.255.247.286)	10.733.735.851

21c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

22. Quỹ khen thưởng

Công ty chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.124.048.985	1.124.048.985
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	1.562.489.566	-
Chi quỹ	(67.500.000)	-
Số cuối năm	2.619.038.551	1.124.048.985

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23. Vốn chủ sở hữu**23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	168.299.940.000	17.173.652.728	24.556.398.771	210.029.991.499
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	52.974.529.815	52.974.529.815
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	(8.414.997.000)	(8.414.997.000)
Trích thù lao Hội đồng quản trị trong năm trước	-	-	(536.400.000)	(536.400.000)
Số dư cuối năm trước	168.299.940.000	17.173.652.728	68.579.531.586	254.053.124.314
Số dư đầu năm nay	168.299.940.000	17.173.652.728	68.579.531.586	254.053.124.314
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	152.014.173.849	152.014.173.849
Trích lập các quỹ	-	-	(1.562.489.566)	(1.562.489.566)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	(20.195.992.800)	(20.195.992.800)
Trích thù lao Hội đồng quản trị trong năm nay	-	-	(556.700.000)	(556.700.000)
Số dư cuối năm nay	168.299.940.000	17.173.652.728	198.278.523.069	383.752.115.797

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông David Ho	38.600.000.000	38.600.000.000
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	37.061.000.000	37.061.000.000
Ông Hồ Văn Trung	28.874.000.000	28.874.000.000
Ông Đỗ Thành Trung	11.694.000.000	-
Bà Susan Ho	10.000.000.000	10.000.000.000
Các cổ đông khác	42.070.940.000	53.764.940.000
Cộng	168.299.940.000	168.299.940.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)	
Ông David Ho	38.600.000.000	22,93	38.600.000.000
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	37.061.000.000	22,02	37.061.000.000
Ông Hồ Văn Trung	28.874.000.000	17,16	28.874.000.000
Ông Đỗ Thành Trung	11.694.000.000	6,95	11.694.000.000
Bà Susan Ho	10.000.000.000	5,94	10.000.000.000
Các cổ đông khác	42.070.940.000	25,00	42.070.940.000
Cộng	168.299.940.000	100,00	168.299.940.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.829.994	16.829.994
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu phổ thông	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu phổ thông	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã trích thù lao của Hội đồng quản trị năm 2024 từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 và quỹ khen thưởng từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2024 ngày 20 tháng 5 năm 2024 với số tiền lần lượt là 556.700.000 VND và 1.562.489.566 VND. Chia cổ tức năm 2023 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 10.1/2024NQ.HĐQT ngày 21 tháng 10 năm 2024 với mức chi trả là 12%/mệnh giá (tương đương 1.200 VND/cổ phiếu).

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

24a. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	6.818.234,76	1.469.764,92
Bảng Anh (GBP)	108,34	108,34
Euro (EUR)	4,88	4,88

24b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Hải Lê	68.750.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	50.000.000	-
Cộng	118.750.000	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	890.463.929.984	735.555.080.514
Doanh thu bán nguyên vật liệu	8.820.466.440	37.101.941.099
Cộng	899.284.396.424	772.657.021.613

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng cho các công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Giảm giá hàng bán.

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	633.493.303.879	607.699.195.717
Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán	5.256.395.841	32.237.572.251
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	83.219.468	2.923.528.114
Cộng	638.832.919.188	642.860.296.082

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.300.733.469	5.305.210.042
Lãi tiền cho vay	5.152.201.000	5.444.525.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	21.717.920.065	6.540.040.785
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	72.580.607
Cộng	29.170.854.534	17.362.356.434

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	16.401.899.683	21.878.375.611
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	14.267.734.316	11.156.500.929
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	649.028.935	-
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	(12.770.847.656)	(9.350.612.557)
Chi phí lãi thuê tài chính	-	523.588.041
Cộng	18.547.815.278	24.207.852.024

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.243.070.386	2.096.699.188
Chi phí vật liệu, bao bì	2.129.403.183	1.235.721.785
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	47.099.463	115.822.245
Chi phí khấu hao tài sản cố định	152.960.052	158.025.644
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.048.829.551	11.759.363.336
Các chi phí khác	4.625.509.510	6.804.254.468
Cộng	24.246.872.145	22.169.886.666

CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠNG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	45.744.871.650	29.409.720.472
Chi phí đồ dùng văn phòng	654.316.258	439.937.702
Chi phí khấu hao tài sản cố định	756.713.058	703.196.927
Thuế, phí và lệ phí	655.591.562	836.462.211
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.459.961.863	136.086.394
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.704.160.477	6.101.783.546
Các chi phí khác	4.786.122.021	4.012.559.728
Cộng	61.761.736.889	41.639.746.980

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	158.962.057	7.072.581
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	19.288.256	-
Các khoản thu nhập khác	90.732.826	80.677.019
Cộng	268.983.139	87.749.600

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	507.486.965	-
Truy thu hoàn thuế GTGT	923.640.203	-
Các khoản chi phí khác	3.362.636	20.126.092
Cộng	1.434.489.804	20.126.092

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	544.960.149.248	477.604.419.806
Chi phí nhân công	171.507.734.429	131.475.212.669
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.953.973.608	4.809.835.115
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.315.295.234	40.925.290.670
Chi phí khác	16.959.975.921	12.707.407.263
Cộng	781.697.128.440	667.522.165.523

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Đi vay	-	3.000.000.000
Chi phí lãi vay	822.246.570	633.698.629

Việc mua dịch vụ từ các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Cam kết bảo lãnh

Bà Nguyễn Minh Nguyệt dùng bất động sản tại Căn hộ số A34109 tại tầng 41, thuộc Nhà chung cư số A3, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.21a).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.20 và V.21a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát

	<u>Chức danh</u>	<u>Tổng thu nhập</u>
Năm nay		
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Chủ tịch Hội đồng quản trị	156.000.000
Ông Trương Văn Quang	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	1.654.360.000
Ông David Ho	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc kinh doanh	1.185.482.000
Bà Susan Ho	Thành viên Hội đồng quản trị	86.400.000
Ông Võ Thiên Chương	Thành viên Hội đồng quản trị	33.500.000
Ông Huỳnh Khánh Hiếu	Thành viên Hội đồng quản trị	84.000.000
Ông Trần Quang Phú	Thành viên Hội đồng quản trị	80.400.000
Bà Kim Ngọc Nguyên	Thành viên Hội đồng quản trị	80.400.000
Bà Vũ Thị Minh Chiến	Trưởng Ban Kiểm soát	345.192.000
Bà Tô Lệ Minh	Thành viên Ban Kiểm soát	639.816.000
Bà Trần Thanh Hương	Thành viên Ban Kiểm soát	21.000.000
Bà Nguyễn Bích Thuận	Thành viên Ban Kiểm soát	15.000.000
Cộng		<u>4.381.550.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Chức danh	Tổng thu nhập
Năm trước		
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Chủ tịch Hội đồng quản trị	144.000.000
Ông Trương Văn Quang	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	1.438.577.000
Bà Nguyễn Minh Tâm	Thành viên Hội đồng quản trị	39.000.000
Ông David Ho	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc kinh doanh	305.500.000
Bà Susan Ho	Thành viên Hội đồng quản trị	79.800.000
Ông Võ Thiên Chương	Thành viên Hội đồng quản trị	79.800.000
Ông Huỳnh Khánh Hiếu	Thành viên Hội đồng quản trị	79.800.000
Ông Trần Quang Phú	Thành viên Hội đồng quản trị	39.000.000
Bà Kim Ngọc Nguyên	Thành viên Hội đồng quản trị	39.000.000
Bà Vũ Thị Minh Chiến	Trưởng Ban Kiểm soát	311.904.000
Bà Nguyễn Bích Thuận	Thành viên Ban Kiểm soát	36.000.000
Bà Tô Lệ Minh	Thành viên Ban Kiểm soát	544.510.000
Cộng		3.136.891.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy	Công ty con
Công ty TNHH Thực phẩm Dary	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh với các công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.5b và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực chế biến, xuất khẩu và kinh doanh mặt hàng tôm, đồng thời doanh thu chủ yếu của Công ty là từ xuất khẩu tôm chế biến. Theo đánh giá của Tổng Giám đốc, không có sự khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo theo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠNG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2025



Lê Kim Dung
Người lập



Nguyễn Thị Mỹ Nhung
Kế toán trưởng



Trương Văn Quang
Tổng Giám đốc

